

Bản án số: 652/2023/HC-PT

Ngày: 31/8/2023

Khiếu kiện Quyết định hành chính,
yêu cầu bồi thường thiệt hại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;
Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyền, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 362/2023/TLPT-HC ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính, yêu cầu bồi thường thiệt hại” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2023/HCST ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố H1.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9050/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa:

*** Người khởi kiện:** Bà Trần Thị K, sinh năm 1949, Địa chỉ: Khu B tái định cư Trần Thị K, xã Q, huyện N, H1; Có mặt.

*** Người bị kiện:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H1.

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố H1: Ông Lê Anh X, Phó Chủ tịch thường trực UBND thành phố H1; Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, thành phố H1 và Ủy ban nhân dân huyện N, thành phố H1.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện N và Chủ tịch Ủy

ban nhân dân huyện N, thành phố H1: Ông Nguyễn Văn V, Phó Chủ tịch UBND huyện N, thành phố H1; Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Mai T, sinh năm 1942; Có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Anh Mai Huy H, sinh năm 1985; Có mặt.
- Chị Trần Thị V1, sinh năm 1985; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu B tái định cư Thôn Đ, xã Q, huyện N, H1.

Người kháng cáo: Bà Trần Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện bà Trần Thị K trình bày như sau:

Hộ gia đình bà Trần Thị K sử dụng một diện tích đất tại thôn A, xã D, huyện N, thành phố H1. Trong đó có 150m² đất ở được giao có thu tiền sử dụng và đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới BSC được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư và các quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố H1, Ủy ban nhân dân huyện N đã thông báo thu hồi đất thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới BSC tại các xã: D, Q, Đ1, huyện N, thành phố H1.

Ngày 12/8/2019, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 4049/QĐ-UBND thu hồi diện tích 150m² đất ở và Quyết định số 4075a/QĐ-UBND thu hồi diện tích 340,2m² đất Ủy ban nhân dân xã D quản lý hộ bà Trần Thị K sử dụng tại thửa số 118, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: thôn A, xã D.

Ngày 12/8/2019, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 4076/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất kèm theo phương án số 08/PA-TCT đối với hộ bà Trần Thị K địa chỉ thôn A, xã D.

Sau khi phê duyệt Ủy ban nhân dân huyện N đã mời hộ gia đình nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng thực hiện Dự án. Tuy nhiên hộ gia đình bà Trần Thị K vẫn không đồng ý nhận tiền và vẫn còn ý kiến kiến nghị.

Ngày 04/9/2020, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 5969/QĐ-UBND phê duyệt phương án bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất kèm theo phương án số 07/PA-TCT đối với hộ bà Trần Thị K.

Ngày 07/6/2021, hộ bà Trần Thị K đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản cây cối hoa màu vật kiến trúc được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

Sau khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nhưng gia đình bà Trần Thị K vẫn không đồng ý bàn giao mặt bằng nên đã kiến nghị. Ngày 31/3/2022, Ủy ban

nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 2227/QĐ-UBND phê duyệt phương án bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất kèm theo phương án số 01/PA-TCT đối với hộ bà Trần Thị K.

Ngày 11/6/2021, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 3162/QĐ-UBND về việc giao đất tái định cư cho công dân làm nhà ở tại khu tái định cư BSC tại xã Q trong đó hộ bà Trần Thị K được giao lô đất số 16 phân khu LK 16 diện tích 120m²/lô tại khu tái định cư BSC (giai đoạn 2), xã Q. Đến nay, hộ bà Trần Thị K đã xây dựng nhà và công trình phục vụ ăn ở của hộ gia đình trên lô đất này.

Không đồng ý với việc thu hồi, bồi thường nên bà Trần Thị K khiếu nại các quyết định trên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành Quyết định số 8932/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị K (lần đầu);

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, bà Trần Thị K tiếp tục khiếu nại và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H1 đã ban hành Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị K (lần hai).

Về nguồn gốc đất bị thu hồi của gia đình bà là diện tích 535m², thửa lô 15, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Thôn A, xã D, huyện N, H1, do gia đình bà mua của Ban quản lý công trình của Ủy ban nhân dân huyện N vào năm 1985 với diện tích 150m², còn số diện tích còn lại gia đình tự cải tạo thêm 385m². Quá trình sử dụng đất, năm 1986, gia đình bà đã xây dựng nhà trên đất. Theo quy định của Luật Đất đai, đất sử dụng làm nhà ở trước ngày 15/10/1993 đủ điều kiện để công nhận là đất ở. Quyết định thu hồi đất 150m²; còn diện tích 385m² đã bị thu hồi nhưng chưa có quyết định thu hồi, chưa có phương án bồi thường. Theo Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 bồi thường hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp diện tích đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất thì diện tích đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã nơi có đất xác nhận diện tích nhiều hơn là do khai hoang, hoặc chuyển nhượng quyền của người sử dụng đất trước đó đã sử dụng ổn định và không có tranh chấp thì được bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế. Theo đó diện tích 385m², tăng thêm so với diện tích đất ở được giao đủ điều kiện để công nhận là đất ở trong đó 120m² đất phía ngoài tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất là vi phạm mốc đường giao thông quốc lộ 10 cũ. Nay không vi phạm mốc đường giao thông do điều chỉnh quốc lộ 10 cũ thành tỉnh lộ 359 phải thực hiện nộp tiền sử dụng đất 50% giá đất tại bảng giá 8.000.000đ/m². Diện tích 265m² phía trong đất sử dụng làm nhà ở trước ngày 15/10/1993 tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không có một trong các hành vi vi phạm từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất đến nay nên không phải thực hiện nộp tiền sử dụng đất và được bồi thường 100% đơn giá cụ thể tại vị trí 8.000.000đ/1m². Quyết định 8932/QĐ-UBND ngày

15/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N giải quyết khiếu nại lần đầu không công nhận là đất ở đã vi phạm quy định tại điểm d, g khoản 7 Điều 97 Nghị định 43/2014 ngày 15/5/2014.

Về tái định cư: Theo điểm a, b, c khoản 4 Điều 97 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, những người thu hồi ở tuyến nào thì tái định cư ở tuyến đó; đất nhà bà là tuyến mặt đường nên phải được bồi thường tuyến 1 nhưng đất tái định cư cấp cho bà là ở tuyến 3. Đối với việc bốc thăm tái định cư, bốc thăm lẫn lộn giữa các vị trí, đáng lẽ theo quy định của pháp luật, vị trí nào thì bốc thăm riêng theo từng vị trí tuyến đó. Hiện nay, bà đã sử dụng diện tích đất tuyến 3 đã được cấp tái định cư, đã xây dựng nhà trên đất rồi. Bà đề nghị trả thêm 01 lô đất tái định cư 200m² nữa.

Về bồi thường kinh doanh: Theo Nghị định 47 của Chính Phủ, bà cho thuê cột phát sóng, khi thu hồi đất, bà mất số tiền thuê đất này.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định sau:

1. Quyết định số 4049/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng kèm theo phương án bồi thường số 08/PA-TCT ngày 12/8/2019 và phương án bổ sung số 07/PA-TCT ngày 04/9/2020;

2. Quyết định số 4076/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới BSC tại thôn Bến Bình A, xã D, huyện N kèm theo phương án số 08/PA-TCT đối với hộ bà Trần Thị K địa chỉ thôn A, xã D;

3. Quyết định số 5969/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới BSC tại thôn A, xã D, huyện N kèm theo phương án số 07/PA-TCT đối với hộ bà Trần Thị K;

4. Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc giao đất tái định cư cho công dân làm nhà ở tại khu tái định cư BSC (giai đoạn 2), xã Q;

5. Quyết định số 8932/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị K (lần đầu);

6. Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị K (lần hai).

Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện N bồi thường:

1. Trả thêm 1 lô tái định cư 200m²;
2. Trả lại 60m² diện tích đất đã trừ vào diện tích đất ở bị thu hồi 150m²;
3. Diện tích đất ở 385m² đã bị thu hồi nhưng chưa có quyết định thu hồi,

chưa có phương án bồi thường với tổng số tiền: 2.600.000.000 đồng;

4. Bồi thường về ngừng sản xuất kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất là 96.000.000 đồng;

5. Bồi thường chênh lệch giá đất bị thu hồi và giá đất tái định cư số tiền 375.000.000 đồng.

** Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố H1 với đại diện theo ủy quyền là ông Lê Anh X, Phó Chủ tịch UBND thành phố H1 trình bày:*

Bà Trần Thị K có đơn khiếu nại Quyết định số 4049/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc thu hồi đất và Quyết định số 4076/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị BSC.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N đã thụ lý, xác minh và ban hành Quyết định số 8932/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị K (lần đầu); theo đó kết luận các nội dung khiếu nại của bà Trần Thị K là không có cơ sở giải quyết và bác đơn khiếu nại của bà Trần Thị K; đồng thời giữ nguyên Quyết định số 4049/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc thu hồi đất và Quyết định số 4076/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới BSC.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, bà Trần Thị K có đơn khiếu nại (lần hai) đề ngày 13/12/2021 gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Trên cơ sở báo cáo kết quả xác minh, đề nghị của Thanh tra thành phố và kết quả đối thoại, chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H1 đã ban hành Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Trần Thị K, theo đó quyết định: Các nội dung khiếu nại của bà Trần Thị K không có cơ sở để giải quyết; công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 8932/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị K (lần đầu) là đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H1 ban hành Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị K (lần hai) là đúng thẩm quyền.

Căn cứ vào các Điều 36, 38, 39, 40, 41 Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H1 ban hành Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị K (lần hai) là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Đề nghị Tòa án công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị K (lần hai); bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K, địa chỉ tại khu B tái định cư thôn Đ, xã Q, huyện N, H1.

Quan điểm của người bị kiện UBND huyện N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N:

1. Về yêu cầu huỷ các quyết định thu hồi đất; phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản cây cối hoa màu:

1.1. Thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi đất: Căn cứ khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 quy định thẩm quyền thu hồi đất và khoản 2 Điều 28 tại Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

1.2. Trình tự, thủ tục thu hồi đất: Sau khi Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới BSC thì Ủy ban nhân dân thành phố H1 đã ban hành các quyết định phê duyệt. Căn cứ các quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 4049/QĐ-UBND ngày 12/8/2019; Quyết định 4075a/QĐ-UBND ngày 12/8/2019; Quyết định số 4076/QĐ-UBND ngày 12/8/2019; Quyết định số 5969/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 và Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Trần Thị K là đúng quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

Do đó, nội dung đề nghị của hộ bà Trần Thị K huỷ bỏ các Quyết định số 4049/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng và Quyết định số 4076/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 kèm theo phương án số 08/PA-TCT đối với hộ bà Trần Thị K; Quyết định số 5969/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 kèm theo phương án số 07/PA-TCT đối với hộ bà Trần Thị K; Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện N kèm theo phương án số 01/PA-TCT đối với hộ bà Trần Thị K ban hành kèm theo là không có cơ sở.

2. Yêu cầu huỷ bỏ Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc giao đất tái định cư cho công dân làm nhà ở tại khu tái định cư BSC tại xã Q và đề nghị được giao 01 suất đất tái định cư có diện tích trên 200m² tại vị trí I:

Khu Tái định cư BSC (giai đoạn 1) có 04 khu bao gồm khu A; khu B; khu C và khu D. Ban quản lý Dự án phát triển đô thị và Đầu tư xây dựng công trình dân dụng H1 bàn giao cho Ủy ban nhân dân huyện khu tái định cư BSC (giai đoạn 1) gồm khu A, khu C và khu D.

Căn cứ quy định tại Điều 74, Điều 86 Luật Đất đai 2013; Điều 27 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và Điều 26 Quyết định

số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố H1 ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố H1.

Sau khi Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định về phê duyệt phương án bố trí giao đất ở vào khu tái định cư. Ngày 14/8/2020, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 5488/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bố trí giao đất ở vào khu tái định cư tại khu C và khu D. Theo đó, hộ bà Trần Thị K được bố trí bốc thăm nhận đất tại khu C và khu D có diện tích trung bình 100m²/lô. Ủy ban nhân dân huyện có giấy mời hộ bà Trần Thị K bốc thăm nhận vị trí đất ở. Tuy nhiên hộ bà Trần Thị K không bốc thăm nhận vị trí đất.

Tại khu A, khu C và khu D không còn lô đất có diện tích trung bình 60m²/lô và 100m²/lô để bố trí giao đất cho hộ dân.

Ngày 17/5/2021, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 2529/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bố trí giao đất ở vào khu tái định cư BSC (giai đoạn 2) trên địa bàn xã Q thì hộ bà Trần Thị K được bốc thăm nhận đất tại các lô đất có diện tích trung bình 120m²/lô và có mặt tiếp giáp với trục đường lộ giới 13m.

Ngày 28/5/2021, hộ bà Trần Thị K bốc thăm được lô đất số 16 phân khu LK 16 diện tích 120m²/lô. Đến nay, hộ bà Trần Thị K đã xây dựng nhà và công trình phục vụ ăn ở của hộ gia đình trên lô đất số 16 phân khu LK 16 diện tích 120m²/lô tại khu tái định cư BSC (giai đoạn 2), xã Q.

Như vậy, kiến nghị của hộ bà Trần Thị K về việc hủy bỏ Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N và đề nghị được giao 01 suất đất tái định cư có diện tích trên 200m² tại vị trí I là không có cơ sở giải quyết.

3. Hủy bỏ Quyết định số 8932/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị K: Sau khi nhận được đơn của bà Trần Thị K khiếu nại, ngày 20/10/2021, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Thông báo số 568/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu. Sau đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đã giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại cho Thanh tra huyện chủ trì, phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm phát triển quỹ đất và các tổ chức, đơn vị liên quan xác minh, làm rõ nội dung khiếu nại. Thanh tra huyện đã thành lập Tổ xác minh nội dung khiếu nại. Trên cơ sở báo cáo kết quả của Tổ xác minh, Thanh tra huyện kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 15/11/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành Quyết định số 8932/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Trần Thị K theo đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011. Do đó, nội dung đề nghị của bà Trần Thị K về việc hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 8932/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N là không có cơ sở.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2023/HC-ST ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H1 đã quyết định:

Căn cứ Điều 7, khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 66, 69, 74, 75, 79, 86 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40, 41 Luật Khiếu nại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Trần Thị K về việc yêu cầu hủy các Quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 4049/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng;

- Quyết định số 4076/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới BSC tại thôn A, xã D, huyện N kèm theo phương án số 08/PA-TCT đối với hộ bà Trần Thị K địa chỉ thôn A, xã D;

- Quyết định số 5969/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới BSC tại thôn A, xã D, huyện N kèm theo phương án số 07/PA-TCT đối với hộ bà Trần Thị K;

- Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N giao đất tái định cư cho công dân làm nhà ở tại khu tái định cư BSC (giai đoạn 2), xã Q;

- Quyết định số 8932/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị K (lần đầu);

- Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị K (lần hai).

2. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Trần Thị K buộc Ủy ban nhân dân huyện N bồi thường:

- Trả thêm 1 lô tái định cư 200m²;

- Trả lại 60m² diện tích đất đã trừ vào diện tích đất ở bị thu hồi 150m² đất ở;

- Diện tích đất ở 385m² đã bị thu hồi nhưng chưa có quyết định thu hồi, chưa có phương án bồi thường với tổng số tiền: 2.600.000.000 đồng;

- Bồi thường về ngừng sản xuất kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất là 96.000.000 đồng;

- Bồi thường chênh lệch giá trị đất bị thu hồi và giá trị đất tái định cư là 375.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện là bà Trần Thị K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy các Quyết định hành chính trong việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và giao đất tái định cư và yêu cầu UBND huyện N bồi thường thiệt hại đối với gia đình bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ thì thấy Tòa án sơ thẩm bác các yêu cầu khởi kiện của bà K là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 16/8/2022, người khởi kiện là bà Trần Thị K có đơn khởi kiện và ngày 10/11/2022, bà Trần Thị K nộp đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 4049/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng; Quyết định số 4076/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới BSC tại thôn A, xã D, huyện N kèm theo phương án số 08/PA-TCT đối với hộ bà Trần Thị K địa chỉ thôn A, xã D; Quyết định số 5969/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới BSC tại thôn A, xã D, huyện N kèm theo phương án số 07/PA-TCT đối với hộ bà Trần Thị K; Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N giao đất tái định cư cho công dân làm nhà ở tại khu tái định cư BSC (giai đoạn 2), xã Q; Quyết định số 8932/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị K (lần đầu); Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H1 về việc giải quyết

khiếu nại của bà Trần Thị K (lần hai) và buộc Ủy ban nhân dân huyện N bồi thường thiệt hại nên vụ án được Tòa án nhân dân thành phố H1 thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện theo Điều 30, Điều 7 và Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2]. Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tổ tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Trần Thị K trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[4] Xét kháng cáo của người khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khiếu kiện, theo đó:

[4.1]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định:

Quyết định số 4049/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng; Quyết định số 4075a/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới BSC; Quyết định số 4076/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới BSC tại thôn A, xã D, huyện N kèm theo phương án số 08/PA-TCT đối với hộ bà Trần Thị K địa chỉ thôn A, xã D; Quyết định số 5969/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới BSC tại thôn A, xã D, huyện N kèm theo phương án số 07/PA-TCT đối với hộ bà Trần Thị K; Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 giao đất tái định cư cho hộ bà Trần Thị K; Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 phê duyệt phương án bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất kèm theo phương án số 01/PA-TCT đối với hộ bà Trần Thị K được ban hành bởi UBND huyện N là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 66, Điều 69, Điều 75, Điều 86 Luật Đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 28 tại Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố Hải Phòng.

Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 8932/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N được ban hành là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại.

Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1309/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố H1 được ban hành là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại.

[4.2]. Về nội dung: Quá trình thu hồi đất, UBND huyện N đã thực hiện các bước theo đúng quy định: Thông báo thu hồi đất, ban hành Quyết định thu hồi đất, kiểm kê đất đai tài sản có trên đất, lấy ý kiến, lập và thẩm định phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư, ban hành Quyết định phê duyệt và niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ. UBND huyện cũng đã thực hiện việc treo công khai bản đồ quy hoạch 1/500 tại trụ sở UBND các xã có đất bị thu hồi. Do vậy, trình tự, thủ tục thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật.

[4.2.1]. Nguồn gốc đất: Theo sổ mục kê kiểm thống kê năm 1984 thể hiện: Số thửa 464+465, tên chủ sử dụng hợp tác xã. Năm 1989, UBND huyện N cấp đất cho các hộ dân ven Quốc lộ 10 thuộc thôn A, xã D trong đó hộ bà Trần Thị K. Ngày 05/02/2002, UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 217, lô số 15, tờ bản đồ số 03, diện tích 150m², chủ sử dụng Trần Thị K, nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Theo mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/1000 do Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế công trình xây dựng lập, được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 11/4/2017 thì hộ bà Trần Thị K sử dụng tổng diện tích 490,2m² tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 08, xã D. Trong đó có 150m² đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn đối với diện tích 340,2m² đất tăng thêm so với diện tích đất ở được giao, do hộ bà Trần Thị K sử dụng (trong đó có 118,5m² nằm trong hành lang giao thông và 221,7m² đất Hợp tác xã do gia đình tự sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm từ năm 1990) là không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 20 và Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nên không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K về việc hủy bỏ Quyết định số 4049/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc thu hồi đất là có căn cứ.

[4.2.2]. Xét yêu cầu bồi thường 2.600.000.000 đồng đối với diện tích đất ở 385m² đã bị thu hồi nhưng chưa có quyết định thu hồi và phương án bồi thường, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 12/8/2019, Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành Quyết định số 4075^a/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới BSC, trong đó thu hồi hộ bà Trần Thị K, địa chỉ: Thôn A, xã D, diện tích 340,2m². Đối với diện tích ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng do Ủy ban nhân dân xã D quản lý. Căn cứ Khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 và theo quy định khoản 4 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: “Đối với phần

diện tích đất nhiều hơn diện tích đất ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất mà diện tích đất nhiều hơn là do hành vi lấn, chiếm mà có thì không được bồi thường về đất". Như vậy, phần diện tích nhiều hơn diện tích ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được bồi thường về đất.

[4.2.3] Về yêu cầu giao đất tái định cư:

Tại khoản 1 Điều 79, Điều 86 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở mà có đủ điều kiện được bồi thường về đất, phải di chuyển chỗ ở, không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã nơi có đất thu hồi thì được bố trí tái định cư.

Mặt khác, tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: *"Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại Khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình."* Theo đó, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư huyện đã xét duyệt giao cho hộ bà Trần Thị K (đứng tên chủ sử dụng đất) một (01) lô đất tái định cư, và 01 hộ con trai Mai Huy H (đang cùng chung sống trên thửa đất của bà K) một (01) lô đất tái định cư.

Tại khoản 1 Điều 6 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 2680/2014/QĐ UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố H1 quy định mức diện tích đất ở, nhà ở tái định cư đối với hộ gia đình (hộ phụ) theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP như sau:

- a) 40m² đất hộ đối với khu vực quận;
- b) 50m² đất hộ đối với khu vực huyện.

Thực tế hiện nay, hộ bà Trần Thị K đang sử dụng diện tích 150m² đất ở có nguồn gốc là đất Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Căn cứ các quy định nêu trên, và thực tế sử dụng đất của gia đình, Ủy ban nhân dân huyện N đã xét giao hai (02) lô đất tái định cư cho hộ bà Trần Thị K là đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà. Diện tích lô đất được giao căn cứ vào phương án bố trí tái định cư đối với từng đối tượng thu hồi đất và theo quy hoạch phân lô chi tiết đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với hộ con trai bà là Mai Huy H được giao vào khu phân lô có diện tích trung bình 60m²/lô. Việc nhận vị trí đất được Ủy ban nhân dân huyện thực hiện theo hình thức bốc thăm. Hiện nay, đối với lô hộ phụ được Ủy ban nhân dân huyện giao đất tại khu A Dự án Tái định cư BSC, không thực hiện giao đất tại khu D.

[4.2.3]. Về yêu cầu bồi thường do ngừng sản xuất kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất số tiền 96.000.000 đồng: Ngày 11/6/2011 bà Trần Thị K ký hợp đồng kinh tế với Trung tâm viễn thông 2 do ông Nguyễn Công Huy là Giám đốc về việc lắp đặt trạm thông tin di động tại vị trí đất ở của hộ bà Trần Thị K, thời hạn hợp đồng là 10 năm, với số tiền là 3.500.000 đồng/tháng; hai bên đã điều chỉnh giá thuê mặt bằng là 5.200.000 đồng/tháng (kể từ khi Trung tâm viễn thông nhận bàn giao mặt bằng), tại mục 5.3 Điều 5 có nội dung: “Hợp đồng thuê mặt bằng nhà sẽ hết hiệu lực khi mặt bằng cho thuê bị phá dỡ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền”. Ngoài ra, đến tháng 6/2021 hết hạn hợp đồng nhưng Trung tâm viễn thông 2 vẫn thanh toán tiền thuê mặt bằng cho bà Trần Thị K đến hết 31/12/2021. Sau đó, hai bên không tiếp tục gia hạn hợp đồng. Thiệt hại do bà Trần Thị K trình bày không phải là thiệt hại thực tế. Do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu bà Trần Thị K bồi thường do ngừng sản xuất kinh doanh khi Nhà nước thu hồi.

[4.2.4]. Về yêu cầu bồi thường chênh lệch giá trị đất bị thu hồi và giá đất tái định cư là 375.000.000 đồng: Theo quy định tại Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 về nguyên tắc bồi thường khi thu hồi đất: *“Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”*. Khi được giao một lô đất có thu tiền tại khu tái định cư, bà K phải thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước. Ủy ban nhân dân thành phố H1 ban hành Quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 và Quyết định số 1687/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư cho các hộ dân có đất ở bị thu hồi để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới BSC trên địa bàn xã Q, huyện N. Bà K đã được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất bị thu hồi đủ điều kiện được bồi thường nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu bồi thường chênh lệch giá đất bị thu hồi và giá đất tái định cư.

[4.2.5]. Đối với việc giải quyết khiếu nại: Do việc yêu cầu hủy các quyết định thu hồi; phương án bồi thường, hỗ trợ, giao đất tái định cư đối với hộ bà Trần Thị K của Ủy ban nhân dân huyện N không có cơ sở chấp nhận nên việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Ủy ban nhân dân huyện N là có căn cứ. Chủ tịch UBND thành phố H1 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện N là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K là đúng quy định. Tại cấp phúc thẩm bà K không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới. Từ đó, Hội đồng xét xử đồng tình với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị K.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị K kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, tuy nhiên xét bà K là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà K.

Từ nhận định trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là Bà Trần Thị K; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 104/2022/HCST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H1.

2. Về án phí: Bà Trần Thị K được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố H1;
- VKSND thành phố H1;
- Cục THADS thành phố H1;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Trọng

Hoàng Thị Bích Hải

Vũ Thị Thu Hà